ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

Số: 1102 /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám Răng hàm mặt Nha khoa Nụ Cười Xinh thuộc Công Ty TNHH Nha khoa thẩm mỹ Nụ Cười Xinh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-SYT ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Y tế về việc thành lập Đoàn thẩm định cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa; cấp mới, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa;

Căn cứ Biên bản thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám Răng hàm mặt Nha khoa Nụ Cười Xinh thuộc Công Ty TNHH Nha khoa thẩm mỹ Nụ Cười Xinh ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Đoàn thẩm định Sở Y tế và Báo cáo khắc phục ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Phòng khám Răng hàm mặt Nha khoa Nụ Cười Xinh thuộc Công Ty TNHH Nha khoa thẩm mỹ Nụ Cười Xinh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 2780/ĐNAI-GPHĐ đối với:

Tên cơ sở: Phòng khám Răng hàm mặt Nha khoa Nụ Cười Xinh thuộc Công Ty TNHH Nha khoa thẩm mỹ Nụ Cười Xinh

Hình thức tổ chức là: Phòng khám răng hàm mặt

Địa chỉ: 42C Nguyễn Ái Quốc, khu phố 13, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

Thời gian làm việc hằng ngày: 09 giờ 00 - 12 giờ 00, 14 giờ 00 - 18 giờ 00 từ Thứ Hai đến Thứ Bảy.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh:

Sơ cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt thông thường và 104 kỹ thuật chuyên môn theo quy định tại Thông tư 23/2024/TT-BYT *(Danh mục kỹ thuật chuyên môn kèm theo).*

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai thực hiện đúng các quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế và trong phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt. Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật thì phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác phù hợp để điều trị.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tên tại Điều 1 và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục QLKCB - BYT (để báo cáo);
- BGĐ Sở Y tế (để báo cáo);
- UBND phường Tam Hiệp;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV.

(BS. Lâm/10.2026)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT NHA KHOA NỤ CƯỜI XINH THUỘC CÔNG TY TNHH NHA KHOA THẨM MỸ NỤ CƯỜI XINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Đồng Nai).

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
2	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
3	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
4	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
5	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
6	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
7	16.44	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
8	16.45	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
9	16.46	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
10	16.47	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
11	16.48	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
12	16.49	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
13	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
14	16.51	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
15	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
16	16.53	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
17	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
18	16.55	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy
19	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
20	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
21	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
22	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
23	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhổ)
24	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
25	16.65	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng laser
26	16.66	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng laser
27	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
28	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
29	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
30	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
31	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
32	16.75	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng laser
33	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
34	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
35	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
36	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
37	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
38	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
39	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
40	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cẩn nhựa
41	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cẩn sứ
42	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cẩn sứ
43	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
44	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cẩn sứ

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
45	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
46	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
47	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
48	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cẩn nhựa
49	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cẩn sứ
50	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cẩn sứ
51	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cẩn sứ
52	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
53	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
54	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
55	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
56	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý
57	16.123	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại
58	16.124	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay hợp kim Titanium
59	16.125	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại quý
60	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần
61	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp
62	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
63	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
64	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
65	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
66	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
67	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
68	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium
69	16.135	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hở mặt nhai
70	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
71	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
72	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
73	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
74	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
75	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
76	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
77	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
78	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
79	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
80	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
81	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
82	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
83	16.215	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi di động để làm hàm giả
84	16.220	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
85	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
86	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
87	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
88	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
89	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
90	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
91	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement
92	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
93	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
94	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
95	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
96	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
97	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
98	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
99	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
100	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
101	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
102	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
103	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
104	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)

** Tổng số kỹ thuật chuyên môn được phê duyệt: 104 kỹ thuật.*